

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRI TÔN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/2025/QĐST-DS

Tri Tôn, ngày 21 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Châu Thanh Nguyên;
- Bà Cao Thị Phương Trang.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 224/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn T, sinh năm 1962. Địa chỉ: Tổ H, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

*Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Đặng Văn T:* Ông Đặng Văn K, sinh năm 1978. Địa chỉ: khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, (theo giấy uỷ quyền ngày 10/11/2022).

*Các bị đơn:*

Ông Lê Văn H, sinh năm 1951. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang;

Ông Võ Văn T1 (Võ Văn T2), sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang;

Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang;

Ông Nguyễn Mộng Vũ Đào S (Nguyễn Văn S1), sinh năm 1968. Địa chỉ: Tổ

B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang;

Bà Lê Thị L, sinh năm 1967. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Đặng Thị L1, sinh năm 1950. Địa chỉ: Tổ A khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang;

Bà Đặng Thị M, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ A khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang;

*Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L1 và bà M:* Ông Đặng Văn K, sinh năm 1978. Địa chỉ: khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (theo giấy uỷ quyền ngày 28/11/2022).

Anh Lê Minh T4, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang;

Anh Lê Minh T5, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang;

Chị Dương Thị Diễm M1, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang;

Cháu Lê Dương Tiến Đ, sinh năm 2015. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang, (do cha, mẹ làm người đại diện);

*Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T4, anh T5, chị M1:* Ông Lê Văn H sinh năm 1961, địa chỉ: khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang, (theo văn bản uỷ quyền ngày 18/7/2023).

Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1965. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang;

Chị Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh năm 1999. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang;

*Đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H1 và chị H2:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1967. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang (theo văn bản uỷ quyền ngày 20/7/2023).

Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1965. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang;

Anh Võ Hoàng T6, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang;

Anh Võ Hoàng M2, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang;

Anh Võ Phước Đ1, sinh năm 1995. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang;

*Đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà H3, anh T6, anh M2 và anh Đ1: Ông Võ Văn T1 (Võ Văn T2), sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang (theo văn bản uỷ quyền ngày 04/12/2023).*

Bà Nguyễn Thị T7, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang;

Anh Nguyễn Hoàng H4, sinh năm 1995. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

Anh Nguyễn Hoàng Đ2, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

*Đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà T7, anh H4 và anh Đ2: Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang, (theo văn bản uỷ quyền ngày 17/7/2023).*

Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang;

Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang;

Chị Trần Thị V, sinh năm 1995. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang;

Cháu Nguyễn Kim T8, sinh năm 2014. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang, (do cha, mẹ làm người đại diện);

Cháu Nguyễn Hiếu N1, sinh năm 2021. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang, (do cha, mẹ làm người đại diện);

Anh Đặng Văn H5, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tổ B, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang.

## **2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Ông Lê Văn H có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Văn T giá trị quyền sử dụng đất của diện tích 304,1m<sup>2</sup> bằng số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Ông Đặng Văn T phải có trách nhiệm giao cho ông Lê Văn H được quyền sử dụng hợp pháp diện tích đất 304,1m<sup>2</sup> tại các điểm 79, 2, 10, 11, 20, 19, 54, 77 là các góc ranh theo bản đồ trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh T9 lập ngày 27/7/2023 và không ai được quyền cản trở.

2.2. Ông Võ Văn T1 (Võ Văn T2) có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Văn T giá trị quyền sử dụng đất của diện tích 230,6m<sup>2</sup> bằng số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Ông Đặng Văn T phải có trách nhiệm giao cho Võ Văn T1 (Võ Văn T2) được quyền sử dụng hợp pháp diện tích đất 230,6m<sup>2</sup> tại các điểm 95, 67, 93, 92, 91, 46, 48, 47, 49, 39, 40, 45, 101 là các góc ranh theo bản đồ trích đo hiện trạng khu đất do

Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh T9 lập ngày 27/7/2023 và không ai được quyền cản trở.

2.3. Ông Nguyễn Văn T3 có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Văn T giá trị quyền sử dụng đất của diện tích 198,8m<sup>2</sup> bằng số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Ông Đặng Văn T phải có trách nhiệm giao cho ông Nguyễn Văn T3 được quyền sử dụng hợp pháp diện tích đất 198,8m<sup>2</sup> tại các điểm 67, 70, 38, 39, 49, 47, 48, 46, 91, 92, 93 là các góc ranh theo bản đồ trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh T9 lập ngày 27/7/2023 và không ai được quyền cản trở.

2.4. Ông Nguyễn Mộng Vũ Đào S (Nguyễn Văn S1) có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Văn T giá trị quyền sử dụng đất của diện tích 320,7m<sup>2</sup> bằng số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Ông Đặng Văn T phải có trách nhiệm giao cho Nguyễn Mộng Vũ Đào S (Nguyễn Văn S1) được quyền sử dụng hợp pháp diện tích đất 320,7m<sup>2</sup> tại các điểm 68, 79, 77, 54, 19, 18, 31 là các góc ranh theo bản đồ trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh T9 lập ngày 27/7/2023 và không ai được quyền cản trở.

2.5. Bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Văn T giá trị quyền sử dụng đất của diện tích 188,9m<sup>2</sup> bằng số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Ông Đặng Văn T phải có trách nhiệm giao cho bà Lê Thị L được quyền sử dụng hợp pháp diện tích đất 188,9m<sup>2</sup> tại các điểm 70, 68, 31, 18, 38 là các góc ranh theo bản đồ trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh T9 lập ngày 27/7/2023 và không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong. Nếu bên phải thi hành án không trả đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho nguyên đơn ông Đặng Văn T xong thì các bị đơn ông (bà) H, T2, T3, S1, L có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc 19.967.000đ; chi phí thẩm định giá 10.100.000 đồng; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 4.000.000đ = 34.067.000đ. Do trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Đặng Văn T đã nộp các chi phí tố tụng và không yêu cầu các bị đơn phải hoàn lại các chi phí nêu trên. Công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, các bị đơn không phải chịu chi phí tố tụng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Đặng Văn T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên không phải chịu án phí.

Bị đơn Ông Lê Văn H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên không phải chịu án phí.

Bị đơn ông Võ Văn T1 (Võ Văn T2) là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên không phải chịu án phí.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T3 phải chịu án phí 3.500.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012662 ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, nên ông T3 phải nộp thêm 3.200.000đ.

Bị đơn ông Nguyễn Mộng Vũ Đào S (Nguyễn Văn S1) phải chịu án phí 5.000.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012661 ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, nên ông S1 phải nộp thêm 4.700.000đ.

Bị đơn bà Lê Thị L phải chịu án phí 3.500.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012663 ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, nên bà L phải nộp thêm 3.200.000đ.

*(Kèm theo Bản đồ trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh T9 lập ngày 27/7/2023)*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Sơn Thị Thúy Liễu**